

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC THIẾU NHI VIỆT NAM QUA GÓC NHÌN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT MÁC-XÍT

HOÀNG TRƯỜNG GIANG*

TÓM TẮT

Bài viết tiếp cận quá trình phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam qua góc nhìn của chủ nghĩa duy vật mác-xít; phân tích quá trình phát triển của văn học thiếu nhi ở các giai đoạn lịch sử cụ thể, đồng thời chỉ ra những ảnh hưởng của chủ nghĩa duy vật mác-xít đối với văn học thiếu nhi từ khi có sự tiếp xúc với triết học Mác.

Từ khóa: văn học thiếu nhi, chủ nghĩa duy vật mác-xít, quá trình phát triển.

ABSTRACT

The developmental process of Vietnamese literature for children under the viewpoint of marxist materialism

The article develops a new approach to the developmental process of Vietnamese literature for children under the viewpoint of marxist materialism; analyses this process through special periods of history; as well as points out some certain influences of marxist materialism on literature for children.

Keywords: literature for children, marxist materialism, developmental process.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử của triết học nói riêng và trong sự phát triển của các bộ môn khoa học khác nói chung luôn diễn ra cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Cuộc đấu tranh đó tạo nên động lực bên trong cho sự phát triển tư duy khoa học của các ngành khoa học khác nhau. Văn học nói chung và văn học thiếu nhi nói riêng cũng không nằm ngoài “con đường” này.

Quá trình phát triển của văn học thiếu nhi được xem là “gian nan” hơn so với các loại thể văn học khác, lí do chính nằm ở chỗ đối tượng mà nó hướng tới:

thiếu nhi – một đối tượng “đặc biệt”. “Đặc biệt” ở chỗ, đối tượng này tuy còn hạn chế về nhận thức đối với thực tại khách quan nhưng lại được xem là rất “mạnh” trong việc tiếp thu các tri thức về thực tại. Việc xác định xem sự phát triển của dòng văn học này chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa duy tâm hay chủ nghĩa duy vật thiết nghĩ cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Bài viết này hi vọng sẽ góp thêm một góc nhìn mới mẻ về sự phát triển của văn học thiếu nhi trong toàn bộ quá trình phát triển của nền văn học nước nhà.

2. Cơ sở lí luận

2.1. Sự đối lập của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong triết học và bản chất của chủ nghĩa duy vật mác-xít

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Việc giải quyết mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học đã phân chia các nhà triết học theo hai trào lưu là chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất có trước ý thức và quyết định ý thức. Trong khi đó, chủ nghĩa duy tâm lại khẳng định ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất. Trong lịch sử, chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm là hai trường phái chính trong triết học, luôn luôn đấu tranh với nhau. Sự đối lập đó có thể coi là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt lịch sử triết học, tạo thành một động lực nội tại cho sự phát triển của triết học.

Tuy nhiên cũng không nên quá cường điệu quá sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm để xem xét các hệ thống triết học trong lịch sử cũng như xem xét các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trên thực tế, không phải bao giờ và ở đâu sự đối lập giữa duy vật và duy tâm cũng thể hiện rõ ràng và đậm nét. Do đó không thể quy kết một học thuyết khoa học nào đó về chủ nghĩa duy vật hoặc chủ nghĩa duy tâm một cách đơn giản.

Sự ra đời của chủ nghĩa duy vật mác-xít là một bước ngoặt trong quá trình phát triển của triết học. Chủ nghĩa duy vật mác-xít là đỉnh cao của thế giới quan duy vật, là chủ nghĩa duy vật triệt để. Đặc điểm quan trọng nhất về mặt bản chất của chủ nghĩa duy vật mác-xít là đã giải quyết đúng đắn vấn đề cơ bản của triết học từ quan điểm thực tiễn. Chủ nghĩa duy vật mác-xít khẳng định rằng, vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức. Đó là nguyên tắc xuất phát

của chủ nghĩa duy vật mác-xít. Xa rời nguyên tắc đó sẽ xa rời thế giới quan duy vật, sẽ sa vào chủ nghĩa duy tâm.

Mặt khác, khi khẳng định sự phụ thuộc của ý thức vào vật chất, chủ nghĩa duy vật mác-xít đồng thời cũng vạch ra sự tác động trở lại vô cùng quan trọng của ý thức đối với vật chất. Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc của con người một cách năng động, sáng tạo. Ý thức phản ánh thế giới khách quan trong quá trình con người tác động, cải tạo thế giới bằng thực tiễn. Vì vậy, ý thức của con người có tác động tích cực làm biến đổi hiện thực khách quan theo nhu cầu của mình. Quan hệ giữa vật chất và ý thức không phải là quan hệ một chiều mà là quan hệ tác động qua lại. Nếu không nhận thức được điều đó thì sẽ rơi vào quan niệm duy vật tâm thường, phi biện chứng, bảo thủ và trì trệ trong hành động.

Sự tác động qua lại giữa vật chất và ý thức, trong đó vật chất là cái quyết định, diễn ra trên cơ sở thực tiễn. Thực tiễn là khâu trung gian nối liền giữa cái vật chất và cái tinh thần. Phạm trù thực tiễn, do vậy, có ý nghĩa thế giới quan quan trọng, góp phần làm cho quan niệm mác-xít về vật chất và ý thức mang tính duy vật triệt để, không chỉ trong tự nhiên mà còn trong đời sống xã hội.

2.2. Quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam

“Văn học thiếu nhi là những tác phẩm văn học mà nhân vật trung tâm là thiếu nhi hoặc được nhìn bằng “đôi mắt trẻ thơ”, với tất cả những tình cảm, xúc cảm mãnh liệt, tinh tế, ngây thơ, hồn

nhiên được các em thích thú, say mê và có nội dung hướng đến giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, đặt nền móng cho sự hoàn thiện tính cách của các em thuộc những lứa tuổi khác nhau từ ấu thơ cho đến suốt cuộc đời” [5, tr.8]. Văn học, trong đó có văn học thiếu nhi, luôn đồng hành cùng dân tộc trong suốt quá trình lịch sử, bắt đầu từ văn học truyền miệng để rồi tự hoàn thiện cả hình thức lẫn nội dung cho đến ngày nay. Gần như bất kỳ một nền văn học nào cũng chứa đựng trong nó bộ phận không thể thiếu là “văn học thiếu nhi”. Có nhà nghiên cứu đã ví văn học dân gian như “dòng sữa mẹ ngọt ngào” nuôi dưỡng nền văn học dân tộc thì văn học thiếu nhi như “trái chín đầu cành” – một “dấu hiệu”, một “thước đo” về sự tiến bộ và phát triển của cả nền văn học dân tộc đó.

Quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam gồm 2 giai đoạn chính như sau:

- **Giai đoạn văn học truyền miệng:** Văn học thiếu nhi trong giai đoạn này xuất hiện rất sớm, “hiện hữu” và được “công nhận” qua những sáng tác dân gian như những bài vè, đồng dao, ca dao, những truyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn... Những sáng tác dân gian này đến với các em rất tự nhiên qua lời ru, lời kể của mẹ, của bà, giúp các em “vừa học, vừa chơi”, vừa tập nói có nhịp, vừa luyện trí nhớ, mở mang kiến thức ban đầu về thế giới xung quanh... Tuy giai đoạn phát triển này của văn học thiếu nhi đã được xem là kết thúc, nhưng về hình thức nó vẫn còn tồn tại trong thời đại ngày nay.

- **Giai đoạn văn học viết:** Giai đoạn này được mở đầu bằng *Thánh Tông di cao* của Lê Thánh Tông và Nguyễn Trãi với *Gia huấn ca*. Hai tác phẩm này đã quan tâm đến thiếu nhi. “Hiện tượng” này là một hiện tượng đặc biệt vì “ít có dân tộc nào trên thế giới các bậc danh nhân, các ông vua cũng làm thơ, viết truyện cho các em”.

Đặc biệt là từ đầu thế kỉ XX trở đi, cụ thể là thời kì trước 1945, văn học thiếu nhi đã bước đầu song hành với văn học dân tộc. Các sáng tác của Phan Bội Châu (*Hải ngoại huyết thư, Chân tướng quân...*), Tản Đà (*Lên sáu, lên tám...*)... là sự mở đầu của văn học thiếu nhi Việt Nam hiện đại. Tiếp theo sự mở đầu đó là những thành công thực sự vang dội của Nguyên Hồng với *Những ngày thơ ấu (1938)*, Tô Hoài với một loạt truyện và kí mà nổi bật là *Đế mèn phiêu lưu kí (1941)*...

Văn học thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 phát triển mạnh cả về lượng và chất. Đã có các cơ quan chỉ đạo, lãnh đạo các bộ phận chuyên về văn học thiếu nhi tại các nhà xuất bản, có những tờ báo chuyên dành cho trẻ em. Về cá nhân, có một người đã dành sự quan tâm đặc biệt cho thiếu nhi và cho văn học thiếu nhi, đó chính là Hồ Chủ tịch. Điều này thể hiện qua một loạt các bài thơ của Bác trong thời kì đó. Ngoài ra còn phải kể đến một lực lượng sáng tác văn học thiếu nhi hùng hậu như: Tô Hoài, Tố Hữu, Nguyễn Tuân, Đoàn Giỏi, Võ Quảng... với hàng loạt những tác phẩm dành cho thiếu nhi, miêu tả về cuộc sống

và chiến đấu của nhân dân ta giai đoạn này.

Những năm tháng chống Mĩ sau đó có cả một “phong trào” viết cho thiếu nhi. Bên cạnh những tác giả – người lớn viết cho các em, còn xuất hiện một bộ phận không nhỏ những tác giả – thiếu nhi viết cho thiếu nhi. Có thể kể đến Trần Đăng Khoa, Hoàng Hiếu Nhân, Cẩm Thơ, Chu Hồng Quý... Các tác giả thiếu nhi này đã đem đến cho văn học dân tộc những “huơng sắc” mới lạ, quyến rũ, những tiếng nói vừa hồn nhiên, vừa ngây thơ lại vừa dí dỏm, tinh nghịch, đã dẫn người đọc vào “cái thế giới của mầm non, măng non, của chồi nụ, gà con, vịt mới nở, bê con, nghé ngộ, của hừng đông” (Xuân Diệu) [1, tr.23].

Từ 1975 đến nay, văn học thiếu nhi có sự phát triển đa dạng, không chỉ về đề tài, nội dung mà còn ở cả thể loại, hình thức. Đội ngũ sáng tác đông đảo, có chất lượng, các tác phẩm ngày càng được hoàn thiện và đạt được các kết quả rất khả quan.

Văn học thiếu nhi thời gian qua, bên cạnh những thành công, không phải không có những hạn chế. Có lẽ không ai phủ nhận: Trong bất kì hoàn cảnh nào, Đảng, Nhà nước và Bác Hồ vẫn luôn luôn dành cho văn học thiếu nhi sự quan tâm đặc biệt với phương châm: “Phải xây dựng con người mới ngay từ lúc mới lọt lòng và ở mọi lứa tuổi” [1, tr.24].

3. Quá trình phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam dưới góc nhìn của chủ nghĩa duy vật mác-xít

3.1. Theo sự phân chia các giai đoạn phát triển của văn học thiếu nhi như trên,

chúng ta có thể thấy được rằng, cũng như các ngành khoa học khác, văn học nói chung và văn học thiếu nhi nói riêng trong **giai đoạn đầu** phát triển của mình chịu ảnh hưởng khá lớn của chủ nghĩa duy tâm. Điều này không phải là quá khó hiểu khi mà văn học thiếu nhi trong **giai đoạn đầu** xuất hiện chủ yếu dưới hình thức những sáng tác dân gian, đến với các em qua lời kể của mẹ, của bà. Những sáng tác dân gian này xuất hiện từ khi chưa có chữ viết và như M.Gorki đã nói, đây chính là “*những sáng tác của quần chúng lao động, phản ánh thế giới quan của người lao động*” [1, tr.24]. Khi mà ngay cả những người được xem là “tác giả” của văn học thiếu nhi chưa có được một nhân sinh quan, một thế giới quan rõ ràng, khoa học về thực tại thì những “đứa con tinh thần” của họ có in đậm tính duy tâm cũng là điều dễ hiểu. Chúng ta có thể chứng minh luận điểm trên thông qua hàng loạt những tác phẩm của văn học thiếu nhi thời kì này.

Trong *thần thoại*, truyện kể về các vị thần, miêu tả những nhân vật “siêu nhân” có sức mạnh và tài năng hơn người, khác người, “thần”, “thánh” hoặc “tinh”... suy cho đến cùng đều là sản phẩm của trí tưởng tượng do chính con người tạo ra trong thời kì tư duy còn “ngây thơ” pha chút hoang đường, nhằm lí giải các hiện tượng tự nhiên, xã hội. Khi con người chưa giải thích được những hiện tượng tự nhiên, khi kiến thức về thế giới xung quanh còn dừng ở mức kinh nghiệm, ở sự quan sát và suy ngẫm, khi ấy thần thoại sẽ xuất hiện để “hình ảnh hóa”, “hình tượng hóa”, “văn chương

hóa” các hiện tượng tự nhiên bằng các nhân vật giữa người và thần, giữa tín ngưỡng và sự thật, giữa tôn giáo và lịch sử. Vì vậy, khi giải thích về vũ trụ, trong thần thoại xuất hiện nhiều loại thần, mỗi thần gắn với một hiện tượng tự nhiên như Thần Sấm, Thần Sét, Thần Trụ Trời, Nữ thần Mặt Trăng, Nữ thần Mặt Trời...

Tương tự và có quan hệ gần gũi với thần thoại là *truyện thuyết*. Đây là những sự tích, những câu chuyện kể về các nhân vật lịch sử, các sự kiện lịch sử có liên quan đến một cộng đồng hay một dân tộc nhưng lại được “ki ảo hóa”. Nếu không kể những truyền thuyết nặng về “duy tâm” như Lạc Long Quân, Âu Cơ, An Dương Vương, Thánh Gióng... ngay cả đến những nhân vật có thật như Trưng Trắc, Trưng Nhị, Triệu Thị Trinh, Phùng Hưng, thậm chí là Trần Hưng Đạo... cũng vẫn có thể bị “thần hóa” một cách tài tình. Chẳng hạn, truyền thuyết Yết Kiêu có thể lặn hàng giờ dưới nước nhờ học được phép thần (dị bản); các truyền thuyết Lê Lợi trả gươm cho rùa thần, vụ án Lệ Chi Viên với truyền thuyết rắn biến thành người để báo thù... Chính những câu chuyện như vậy càng khẳng định thêm tính duy tâm trong văn học thiếu nhi giai đoạn này.

Bên cạnh *thần thoại* và *truyện thuyết*, không thể không kể đến *truyện cổ tích*. Nếu đa số các thần thoại hướng về *thần*, truyền thuyết hướng về *con người – thần thánh* thì truyện cổ tích lại lấy hình ảnh *con người – cuộc sống* làm nhân vật trung tâm. Đây chính là nét chấm phá trong sự phát triển của văn học thiếu nhi giai đoạn đầu. Tuy vẫn còn những nét

duy tâm trong cách xây dựng cốt truyện, nhưng có thể nói tính duy vật đã thể hiện rất rõ trong từng sáng tác. Cụ thể là, cho dù những truyện cổ tích đầu tiên còn chịu nhiều ảnh hưởng của thần thoại, nhưng về cơ bản, truyện cổ tích luôn luôn gắn chặt với cuộc sống đời thường và phản ánh cuộc sống ấy từ nhiều góc độ khác nhau, hướng sự chú ý của con người vào những vấn đề lịch sử - xã hội cụ thể. Ví dụ, trong truyện *Trí khôn của ta đây*, tuy rằng cả trâu và hổ đều có thể nói chuyện với con người (duy tâm), nhưng yếu tố đó không phải là chính, cái chính ở đây là nhờ có cuộc nói chuyện đó mà câu chuyện đã giải thích được vì sao hổ có vằn trên người, và trâu không có hàm dưới, những yếu tố ấy rất hiện thực, rất “duy vật”. Hay với truyện *Ăn khế trả vàng*, điều có thể rút ra từ câu chuyện mang đầy màu sắc phép thuật này là bài học đạo đức: tham thì thâm. *Sọ Dừa* hay *Tám Cám*, tuy là những truyện *cổ tích - thần kì*, nhân vật chính có thể chết đi sống lại, biến thân, hóa phép, nhưng từ đó có thể rút ra bài học ở hiền thì gặp lành, gieo giố thì gặt bão...

Thật ra, nếu chúng ta xem xét một cách kĩ lưỡng, ngay trong giai đoạn đầu, khi mà chủ nghĩa duy tâm “thắm đẫm” trong văn học thiếu nhi thì đâu đó, trong từng nội dung, trong từng loại thể vẫn có sự xuất hiện của tư tưởng duy vật. Ví dụ như trong *thần thoại*, một thể loại mang đậm đặc điểm của văn hóa tín ngưỡng và tôn giáo xa xưa của mỗi dân tộc, giữa yếu tố hoang đường vẫn có những yếu tố thực tế, ngay trong sự tưởng tượng hư cấu vẫn lấp lánh những sắc màu của cuộc sống

hiện thực. Thần thoại tuy “duy tâm” nhưng cũng bắt nguồn từ thực tế, người xưa dùng cái “duy tâm” để giải thích cái “duy vật” theo kiểu tư duy “thơ ngộ”. Thần thoại là chuyện về thần nhưng thần ở đây chính là sự kì vĩ hóa con người. Thần thoại ca ngợi các thần nhưng thực tế là khẳng định, đề cao sức mạnh, trí tuệ của con người. Thần là kết quả của trí tưởng tượng nhưng thần cũng là kết tinh của rất nhiều con người tài giỏi. Đề cao sức mạnh của thần tức là đề cao sức mạnh của con người, là ước mơ giải phóng con người khỏi sự lệ thuộc tự nhiên, tự tin vào chính mình.

Tương tự, những sự kiện trong *truyền thuyết* dù có kì ảo đến đâu, thì cốt lõi của nó vẫn là những sự kiện lịch sử, những nhân vật lịch sử có thật.

3.2. Giai đoạn phát triển sau của văn học thiếu nhi, tức giai đoạn văn học viết bằng chữ quốc ngữ, là giai đoạn mà những sáng tác văn học thiếu nhi đã không còn hoặc còn nhưng không đáng kể những yếu tố duy tâm; tính duy vật, tính thực tại bắt đầu “đậm đặc” trong từng sáng tác.

Trước 1945, sách dành cho thiếu nhi chủ yếu được dịch từ văn học nước ngoài. Đội ngũ tác giả trong nước viết cho thiếu nhi còn ít, đề tài còn hạn hẹp, số lượng tác phẩm không nhiều. Có thể kể đến những tác phẩm như: *Bài học quét nhà* (Nam Cao) giáo dục cho các em làm việc nhà; *Đám cưới chuột* (Tô Hoài), *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam) miêu tả về hiện thực cuộc sống khó khăn của đất nước trước cách mạng. Nổi bật trong số này là “tuyệt phẩm” của Tô Hoài *Đế mèn phiêu*

lưu kí. Qua việc nhân cách hóa chú đế mèn, Tô Hoài lôi cuốn bạn đọc nhỏ tuổi theo những bước chân phiêu lưu của chú. Đế Mèn có thể nói, có thể cười, có thể cư xử rất “người”, yếu tố “hoang đường duy tâm” có thể coi là thứ yếu. Cái chính là qua hình tượng chú đế, Tô Hoài đã giáo dục trẻ em biết tránh xa những thói hư tật xấu, sự kiêu căng, tự phụ, thói đạo đức giả, giáo dục các em tinh thần thượng võ, đùm bọc, giúp đỡ nhau... Chất duy vật của tác phẩm là ở đó!

Văn học thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến trước 1954 phát triển nhảy vọt về mọi mặt. Những tác phẩm thời kì này có sự thuận lợi về mặt tư tưởng, đó là “Năm điều Bác Hồ dạy thiếu nhi”. Có thể kể tên một số tác phẩm như: *Tìm mẹ*, *Chiến sĩ ca-lô*, *Hà Học Hợi học sinh gương mẫu*, *Hai bàn tay chiến sĩ*, *Điện Biên Phủ của chúng em* (Nguyễn Huy Tưởng) viết về những em bé mưu trí, dũng cảm giúp bộ đội chiến đấu hoặc trưởng thành trước tuổi cùng với cuộc kháng chiến của dân tộc...; *Chú Giao làng Sen* (Nguyễn Tuân), *Dưới chân cầu mây* (Nguyễn Hồng) hoặc *Hoa Sơn* (Tô Hoài) đề cập những “người thật việc thật”, những tấm gương thiếu nhi dũng cảm, góp thêm tiếng nói từ phía các em, khẳng định sự thắng lợi của cuộc kháng chiến, cho dù phải “trường kì, gian khổ”.

Văn học thiếu nhi thời kì 1954 – 1964 được bắt đầu bằng những tác phẩm miêu tả, hồi tưởng về cuộc sống con người trong 9 năm kháng chiến của những tác giả quen thuộc, như: *Vì A Dính* (Tô Hoài), *Hai làng Tà Pình và*

Động Hĩa (Bắc Thôn), *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Em bé bên bờ sông Lai Vu* (Vũ Cao), *Cái Thăng* (Võ Quảng), *Đội du kích thiếu niên Đình Bảng* (Xuân Sách), *Bên đôn địch* (Bùi Hiền)... Với những tác phẩm trên, người đọc lần đầu tiên có dịp “chứng kiến” những người anh hùng thiếu nhi trong cuộc chiến đấu chung của dân tộc, được “thấy” sinh hoạt muôn màu, muôn vẻ cùng những “bức tranh tâm trạng” đa dạng của lớp người trẻ tuổi được sinh ra trong những năm tháng chống Pháp.

Từ cuối năm 1964 đến tháng 4 – 1975, khi “*Tất cả hành quân, tất cả thành chiến sĩ*” (Tố Hữu), văn học thiếu nhi cũng có những bước phát triển mới, cùng cả nước “*quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*”.

Trước hết phải kể đến hàng loạt những truyện tranh, truyện kí viết về “*người tốt, việc tốt*”, viết về các anh hùng, chiến sĩ, cháu ngoan Bác Hồ ở cả hai miền Nam – Bắc, vừa nhằm hưởng ứng, cổ động cho phong trào “*nghìn việc tốt*”, vừa giúp các em hiểu và làm theo *Năm điều Bác Hồ dạy*, vừa động viên các em biết làm những “*việc nhỏ nghĩa lớn*”, tiếp bước cha anh trên các mặt trận, từ sản xuất cho đến chiến đấu. Có những tác phẩm “*người thật việc thật*” được viết dưới dạng “*tự truyện*” như *Tôi đi học* (Nguyễn Ngọc Ký) hoặc *Hoa xuân tú* (Quang Huy) nêu tấm gương sáng về nghị lực, ý chí khắc phục khó khăn, bệnh tật để học giỏi, trở thành người có ích cho đời ngay từ thuở ấu thơ.

Những tác phẩm dành cho thiếu nhi viết về *đề tài chiến đấu* cũng được chú ý.

Các tác phẩm *Mẹ vắng nhà* (Nguyễn Thi) kể về những đứa con hiếu thảo của người mẹ anh hùng (Út Tịch) hoặc *Hồ Văn Mến* (Lâm Phương) kể về dũng sĩ diệt Mĩ Hồ Văn Mến là những tác phẩm được các em yêu thích, giúp các em hiểu thêm về cuộc sống và chiến đấu của các bạn trong vùng giặc tạm chiếm. Cũng cần nhắc đến *Quê nội* (Võ Quảng) – một tác phẩm có tính chất hồi kí mang “*hình bóng*” của chính tác giả trong những ngày thơ ấu, những ngày đầu đi theo cách mạng.

Bên cạnh văn xuôi, lực lượng các nhà thơ viết cho thiếu nhi giai đoạn này cũng rất hùng hậu. Ngoài những nhà thơ – người lớn viết về các em, viết cho các em từ trước đó khá quen thuộc như: Phạm Hồ, Võ Quảng, Vũ Ngọc Bình... còn có những tác giả khác như: Định Hải, Ngô Viết Dinh, Phong Thu, Thy Ngọc... Những tập thơ đặc sắc thời kì này gồm: *Mãng tre* (Võ Quảng), *Chú bò tìm bạn* (Phạm Hồ), *Hai bàn tay em* (Huy Cận), *Ông và cháu* (Tú Mỡ), *Tên lửa bút chì* (Thy Ngọc), *Đôi tai mèo* (Trần Thanh Địch), *Tiếng hát* (Vũ Ngọc Bình), *Chồng nụ chồng hoa* (Định Hải), *Mầm bé* (Ngô Viết Dinh). Nếu như trong thơ Võ Quảng là thế giới loài vật đầy vui nhộn và ngộ nghĩnh với những chú chào mào, chị vành khuyên, anh bói cá, cô vàng anh... thì trong thơ Phạm Hồ lại là tình bạn, tình cảm của “*những người bạn nhỏ*”. Trong tập *Hai bàn tay em*, Huy Cận đã có “*một cách riêng*” – “*viết cho trẻ em, với mắt trẻ em nhìn thế giới và có những bài viết cho các bậc làm cha, làm mẹ và người lớn yêu trẻ em*” (Xuân Diệu) [1, tr. 74]. Đặc biệt, giai đoạn này còn có sự xuất

hiện của các nhà thơ - thiếu nhi như Trần Đăng Khoa, Cẩm Thơ, Hoàng Hiếu Nhân, Chu Hồng Quý, Khánh Chi... với những tập thơ đáng yêu từ ngay nhan đề: *Góc sân và khoảng trời*, *Em kể chuyện này*, *Nói đây cho điều*, *Rộng vòng chim bay*...

Chiến tranh qua đi, cả dân tộc bắt tay vào xây dựng đất nước trong hòa bình nhưng “những kí ức của một thời” vẫn thu hút các nhà văn, nhà thơ. Võ Quảng với *Tảng sáng*, Nguyễn Quang Sáng với *Dòng sông thơ ấu*, Phùng Quán với *Tuổi thơ dĩa dĩa*... viết về những kỉ niệm thuở ấu thơ gắn với cuộc kháng chiến chống Pháp. Bùi Minh Quốc với tác phẩm *Hồi đó ở Sa Kỳ*, Thanh Quốc với *Cát chảy*..., Nguyễn Thị Như Trang với *Hoa cỏ đắng*, Lê Phương Liên với *Những tia nắng đầu tiên*, Quang Huy với *Ngôi nhà trống*... lại quay về với cuộc sống, con người, những kỉ niệm của một thời gian khổ nhưng ấm nồng tình nghĩa trong những năm chống Mĩ, cứu nước.

Đất nước thống nhất. Hàng loạt những vấn đề của cuộc sống đặt ra không chỉ với người lớn mà còn với cả “tuổi mới lớn” đã được các nhà văn khéo léo chuyển tải đến các em qua các tác phẩm như *Tình thương* (Phạm Hồ), *Chú bé có tài mở khóa* (Nguyễn Quang Thân), *Trước mùa mưa bão* (Trần Nhật Minh)...

Có thể nói, giai đoạn phát triển sau – giai đoạn văn học viết bằng chữ quốc ngữ - của văn học thiếu nhi là giai đoạn chủ nghĩa duy vật mác-xít ảnh hưởng đến văn học thiếu nhi rất rõ rệt. Gần như có thể khẳng định rằng, tất cả các sáng tác trong thời kì này đều lấy “nguồn” từ cuộc

sống, lao động và chiến đấu của dân tộc qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, cũng như công cuộc kiến thiết đất nước. Các nhà văn, nhà thơ viết cho thiếu nhi đã lấy tư liệu từ thực tại khách quan, từ chính cuộc sống và bằng ngòi bút nghệ thuật của mình đã mang đến cho các em “kiến thức” về chính cuộc sống ấy.

Tuy nhiên, không phải lúc nào người đọc – thiếu nhi cũng chịu sự tác động hoàn toàn của tác phẩm. Cũng như quan hệ hai chiều giữa vật chất và ý thức, trong đó ý thức có sự tác động trở lại vô cùng quan trọng đối với vật chất. Các em, với ý kiến chủ quan của mình, có thể thích hay không thích một thể loại nào đó của văn học thiếu nhi. Và ngay cả khi đã thích thể loại ấy thì cũng không chắc rằng các em đã “cảm” được hoàn toàn tác phẩm, để từ đó có thể hiểu và làm theo. Điều này đòi hỏi những tác phẩm văn học thiếu nhi phải cải thiện cả về nội dung và hình thức để thu hút các em hơn. Nói cách khác, “ý thức” của thiếu nhi ở một mặt nào đó có sự tác động trở lại đối với văn học. Tính đa dạng của đề tài, thể loại văn học thiếu nhi cũng do trình độ nhận thức và tâm lí thị hiếu của các lứa tuổi bạn đọc đặt ra: nhi đồng bé, nhi đồng lớn, thiếu niên bé, thiếu niên lớn có những hiểu biết và nhất là có những sở thích về thẩm mỹ rất khác nhau. Các em nhi đồng bé thường thích những truyện đồng thoại, cổ tích, mà trong câu chuyện đó các con vật đều biết nói năng suy nghĩ, trong khi đó các em thiếu niên lại say mê những loại truyện chiến đấu, phiêu lưu, viễn tưởng...

4. Kết luận

Có thể nói, dưới góc nhìn của chủ nghĩa duy vật mác-xít, văn học thiếu nhi Việt Nam bao gồm hai giai đoạn phát triển khác nhau: giai đoạn đầu với những sáng tác truyền miệng, văn học thiếu nhi Việt Nam tất yếu mang đậm tính duy tâm; còn ở giai đoạn sau, giai đoạn văn học viết (chủ yếu là viết bằng chữ quốc ngữ), văn học thiếu nhi ngày càng mang tính duy vật triệt để hơn. Trong khuôn

khô một bài viết, chúng tôi đã phát triển một cách tiếp cận tương đối mới về quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử cụ thể dưới góc nhìn của chủ nghĩa duy vật mác-xít, đồng thời chỉ ra những ảnh hưởng của chủ nghĩa duy vật mác-xít đối với văn học thiếu nhi từ khi triết học Mác du nhập vào Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn An, Văn Thanh (2002), *Bách khoa thư Văn học thiếu nhi*, Nxb Từ điển Bách khoa.
2. Hoàng Văn Cận (2005), *Dạy học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi*, tập 1, Nxb Giáo dục.
3. *Giáo trình Triết học Mác – Lê-nin*, Nxb Chính trị Quốc gia (2004).
4. *Hỏi đáp về văn học Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc (1998).
5. *Triết học (dành cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành Triết học)*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia (2001).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-01-2012; ngày chấp nhận đăng: 20-4-2012)